Phong GD&ÑT Dau Tieng   VU GIAO DUC MAM NON

Tröông Mam Non 13/3   Thö sau,ngay 24/04/2026

HOA ÑÔN ÑI CHÔ

Böa an :An Chính

Ño tuoi :Mau giao

Tong so tre :314

Sang : Hu tíu thòt möc nam möôp ca rot gia he cu cai

Söa grow

Tröa : Côm cha ca rim xì dau

Canh rong bien ñau hu gia nam ngo rí thòt heo nac

Mon luoc: bau

Trang mieng: döa hau

Xe: söa grow

Xe chieu: mì goi thòt tom tööi nam möôp ca rot gia rau hung

So Tien Tren Moi Tre :37025

STT	Ten thöc pham	Khoi lööng(g)	Ñon gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	87,560	175,120
3	Cha ca ba sa	10,500	11,880	1,247,400
4	Möc tööi	2,000	34,230	684,600
5	Tom bien	3,000	36,540	1,096,200
6	Nöôc mam Ca (loai 1)	3,000	6,820	204,600
7	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
8	Ñöông cat	3,000	3,880	116,400
9	Dau me	1,000	4,200	42,000
10	Xì dau	3,000	1,100	33,000
11	Gao te may	18,000	2,630	473,400
12	Ñau phu (ñau hu)	3,000	3,300	99,000
13	Hu tíu	16,000	1,820	291,200
14	Hanh la	1,500	5,360	80,400
15	Hanh cu tööi	1,000	6,300	63,000
16	Ca rot	5,000	5,570	278,500
17	Nam rôm	1,500	14,180	212,700
18	Möôp	4,000	4,200	168,000
19	Cu cai trang	1,000	3,150	31,500
20	Rau ngo (Rau mui)	200	8,820	17,640
21	Bí (bau)	3,500	3,570	124,950
22	Rau sam	2,000	18,150	363,000
23	Gia ñau xanh	3,500	2,780	97,300
24	He la	100	4,830	4,830
25	Rau hung	100	11,130	11,130
26	Mì goi	13,500	4,700	634,500
27	Thòt lôn nac	10,000	18,900	1,890,000
28	Döa hau	25,000	2,310	577,500
	Cong			**9,227,470**
	*XUAT KHO			
29	Söa bot Abbot Grow	11,700	20,500	2,398,500
	Cong			**2,398,500**

Tong tien thöc pham	**11,625,970** ñ
Chi phí khac	0(ñ)
Tien ñöôc chi trong ngay	11618000(ñ)
So dö ñau ngay	0(ñ)
So dö cuoi ngay	-7970(ñ)
Xuat an luy ke tö ñau thang	
Tieu chuan luy ke tö ñau thang	
Tien chi luy ke tö ñau thang	

Phó Hiệu Trưởng Duyệt

Tương Ngọc Thủy Tiên